

Mã SV	Họ	Tên	Phá	Ng	Bản	Bản	Bản	Giả	Lý
		i	ày	sao	sao	sao	y	c	lịch
		Sin	Bản	GK	am	HS			
		h	học	g	T	Sin	kết	SV	
		bạ	NP	h	PV				
			TT	N					
			H						
K34.	Văn	Mi	1	209					
702.	Thị	nh	90						
013									
K34.	Bùi	Tú	1	701					
702.	Thị		90						
025	Ngọc								
K35.	Ngô	Châ	1	260	X				
702.	Thị	u	891						
001	Minh								
K35.	Nguyễn	Ch	0	150					
702.	n Văn	ươn	290						
002		g							
K35.	Trần	Du	1	204	X				
702.	Thị	ng	91						
004	Hoàng								
K35.	Nguyễn	Hà	1	240	X		X		
702.	n Thị		291						
005	Thu								
K35.	Nguyễn	Lin	1	211	X				
702.	n Ngọc	h	091						
007									
K35.	Lê Lan	Ng	1	130	X		X		GB
702.		ọc	691						NH
008									
K35.	Lê Thị	Nhi	1	160	X				
702.	An		991						
009									
K35.	Đoàn	Phư	1	605	X				
702.	Thị	ợng	91						
010	Kim								
K35.	Lê Thị	Thả	1	250	X				
702.	Thu	o	191						
012									
K35.	Phạm	Thú	1	190	X				
702.	Thị	y	391						
013	Thanh								
K35.	Nguyễn	Trú	1	261	X				
702.	n Thị	c	091						
017	Thanh								
K35.	Bùi	Vâ	1	209	X				
702.	Thị	n	91						
018	Thu								